TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12/6/2018
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Bảo và bà Đinh Thị Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2017 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 10/4/2018; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 03/2018/QĐST –HNGĐ, ngày 02/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 30/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Văn D (R), sinh năm 1956, có mặt.

Địa chỉ: bon B (thôn a), xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Bà Liểu Thị S, sinh năm 1957, có mặt.

Địa chỉ: Số Y, thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lý Văn D*: bà Nguyễn Thị Xuân, vắng mặt và ông Hoàng Ngọc Tuấn, có mặt.

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đắk Nông – đường Lê Duẩn, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng*: ông Hoàng Nguyên Q.

Địa chỉ: bon B (thôn a), xã Trường Xuân, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lý Văn D trình bày:* Ông D và bà Liểu Thị S chung sống với nhau từ năm 1981, không có đăng ký kết hôn, ông D và bà S xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới. Trong quá trình chung sống với nhau ông D và bà S có 04 người con chung gồm Lý Văn T, sinh năm 1982; Lý Thị H, sinh năm 1984; Lý Thị P, sinh năm 1992; Lý Văn T1, sinh năm 1994. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi và tự lo được cuộc sống riêng của mình, bà S có một người con riêng tên Lý Văn H1, sinh năm 1979.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không vay mượn tài sản.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông D và bà S có quan điểm, cách suy nghĩ trái ngược nhau, hai bên không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về mặt kinh tế và cách giáo dục con cái. Ông D và bà S thường xuyên xảy ra cải nhau, hai bên không còn thương yêu, không tôn trọng nhau. Ông D và bà S đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Nay ông D yêu cầu giải quyết: xin được ly hôn với bà S. Con chung, tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Công nợ không có.

- *Theo nội dung lời khai của bà Liểu Thị S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Ông D khai về thời gian chung sống với nhau từ năm 1981, không đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, con chung, con riêng, tài sản chung và công nợ là đúng sự thật, bà S nhất trí và không trình bày thêm.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà S và ông D không có mâu thuẫn, từ khi về chung sống với nhau từ năm 1981 cho đến nay hai bên vẫn hạnh phúc với nhau. Ông D làm đơn ly hôn với bà là do ông D có người đàn bà khác ở bên ngoài. Bà và ông D đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay và sống hai nơi khác nhau.

Nay bà S không đồng ý ly hôn với ông D. Về con chung, tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Xác minh tại ban quản lý thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Ông Lý Văn D đã đi nơi khác sinh sống và đồng thời đã ly thân với bà Liểu Thị S từ năm 2015 cho đến này, bà S và ông D đã sống ở hai nơi khác nhau. Ban quản lý thôn được nghe nói lại là ông D có người phụ nữ khác nhưng ban quản lý thôn không nắm chính xác thông tin nêu trên và cũng không có bằng chứng.

Xác minh tại ban quản lý thôn B (thôn a), xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: ông Lý Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn và đã sinh sống từ năm 2015 cho đến nay. Tại thời điểm xác minh này thì ông D đang sống chung với bà Cao Thị D1, ông Hoàng Nguyên Q cùng nhau đi làm thuê và làm kinh tế để sinh sống. Ông D và bà D1chỉ là quan hệ bình thường, không có căn cứ nào cho rằng ông D và bà D1 có quan hệ như vợ chồng, ông D và bà D1 không có tài sản chung, không có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến

hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn và cho ông D được ly hôn với bà S. Về con chung và tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Công nợ không có. Về án phí: Ông Lý Văn D nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Xin ly hôn" giữa nguyên đơn ông Lý Văn D và bị đơn bà Liểu Thị S, bà Liểu Thị S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: ông Lý Văn D và bị đơn bà Liểu Thị S xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Nhưng không đăng ký kết hôn. Ông D và bà S xây dựng gia đình vào năm 1981. Khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình được xác lập tại thời điểm để giải quyết*". Khoản 1 Điều 9 Luật hôn và nhân gia đình năm 2014 quy đinh: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*". Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 quy định "*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập **trước** ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về Luật hôn nhân và gia đình năm 2000*". Khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định "*Đối với trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích và tạo điều kiện để đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhận được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng...*". Như vậy, quan hệ hôn nhân của ông Lý Văn D và bà Liểu Thị S được xác lập kể từ năm 1981, là quan hệ hôn nhân thực tế.

[3] Về mâu thuẫn: ông Lý Văn D cho rằng hai vợ chồng có cách nghĩ và quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Giữa bà S và ông D không thống nhất được về mặt dạy con cái, mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không còn thương yêu, không quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ. Hai người đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, sống hai nơi khác nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc nhau. Bà S không đồng ý ly hôn với ông D: vì giữa ông D và bà S không có mâu thuẫn; Ông D muốn ly hôn là vì có người phụ nữ khác ở bên ngoài, bà S và ông D đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà S cho rằng ông D muốn ly hôn với bà S là vì có người phụ nữ khác, nhưng bà S không cung

cấp cho Tòa án được chứng cứ để chứng minh về việc ông D có người phụ nữ khác. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Như vậy, bà S phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[5] Xác minh tại ban quản lý thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: Ông Lý Văn D và bà S đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, hai người sống hai nơi khác nhau. Thông tin về việc ông D có người phụ nữ khác thì ban quản lý thôn chỉ nghe nói lại; không có chứng cứ, không có thông tin chính xác về việc ông D có người phụ nữ khác

[6] Xác minh tại ban quản lý thôn B (thôn a cũ), xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông: ông D đã sinh sống tại thôn từ năm 2015 đến nay. Còn về việc ông D và bà D1 có quan hệ như vợ chồng thì không có căn cứ, giữa ông D và D1 không có tài sản chung, không có con chung. Ông D và D1 chỉ là quan hệ bình thường, ông D, bà D1 cùng sống với ông Hoàng Nguyên Q, cùng nhau đi làm thuê và làm kinh tế.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, đương sự đã được hòa giải tình cảm vợ chồng về đoàn tụ, nhưng đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, không có tiếng nói chung, hiện tại vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau làm tròn trách nhiệm của người chồng, người vợ.

[8] Như vậy, đời sống chung vợ chồng của bà S và ông D không thể kéo dài được và mục đích của hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông D không còn, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận đơn và cho ông Lý Văn D được ly hôn với bà Liểu Thị S.

[9] Về con chung, về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[10] Về công nợ: Không có.

[11] Về án phí: Ông Lý Văn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điểm a khoản 3 Nghị quyết

số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lý Văn D (R) và bà Liểu Thị S.

2. Về con chung, về tài sản chung: Không yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lý Văn D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm trong ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000775 ngày 18/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hồng Duy